

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân bổ số lượng và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại các văn bản: Tờ trình số 324/TTr-STC ngày 17 tháng 11 năm 2025, Công văn số Công văn số 4525/STC-QLG&CS ngày 26 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân bổ số lượng và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định:

a) Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp xã (bao gồm Đảng ủy cấp xã) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

b) Quy định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

c) Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), các xã, phường

(bao gồm Đảng ủy cấp xã) được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương).

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (trừ số lượng xe ô tô quy định tại Điều 3 Quyết định này)

Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các xã, phường (bao gồm Đảng ủy cấp xã) theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung

Quy định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Giao cho từng cơ quan, các xã, phường (bao gồm Đảng ủy cấp xã), tổ chức, đơn vị, có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc bố trí sử dụng cho phù hợp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương:

Căn cứ Quyết định Quy định phân bổ số lượng, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp xã (bao gồm Đảng ủy cấp xã), quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định tiêu chuẩn, định mức để thanh lý, thu hồi, điều chuyển xe ô tô phục vụ công tác chung theo đúng quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **29** tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định này bãi bỏ Điều 2, Điều 3 Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số

03/2024/QĐ-UBND ngày 15/2/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk; Bí thư Đảng ủy các xã, phường; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk (đăng công báo);
- Lưu: VT, ĐTKT (cn 02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục I

PHÂN BỐ VỀ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CHO VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH; VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **042** /2025/QĐ-UBND ngày **17** tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			
			Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 2 cầu có công suất lớn với giá mua xe tối đa 4.500 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 2 cầu có công suất lớn với giá mua xe tối đa 2.800 triệu đồng/xe
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	10	2	7		1
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	10	2	7		1

Phụ lục II

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 042 /2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
	Tổng cộng		304	152	12	140	
A	Cấp tỉnh		100	50	12	38	
I	Các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh		69	34	9	26	
1	Sở Xây dựng	164	4	2		2	
2	Sở Tư pháp	57	3	1	1	1	
3	Sở Tài chính	207	6	2		4	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường		14	11	1	2	
4.1	Văn phòng Sở	102	5	2	1	2	
4.2	Chi cục Bảo vệ Môi trường	22	1	1			
4.3	Chi cục Quản lý đất đai	36	1	1			
4.4	Chi cục Kiểm lâm	384	1	1			
4.5	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	58	1	1			
4.6	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	36	1	1			
4.7	Chi cục Phát triển nông thôn	27	1	1			
4.8	Chi cục Quản lý chất lượng NLS và Thủy sản	20	1	1			
4.9	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	128	1	1			
4.10	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	115	1	1			
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	99	5	2	2	1	
6	Sở Công Thương	191	6	2	1	3	
7	Sở Khoa học và Công nghệ	101	3	2		1	
8	Sở Y tế	121	5	2		3	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	98	4	2	1	1	
10	Sở Nội vụ	155	6	2	1	3	
11	Sở Dân tộc và Tôn giáo	65	3	2		1	
12	Thanh tra tỉnh	222	6	2	2	2	
13	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	28	2	1		1	
14	Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh	18	2	1		1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
II	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	248	8	4		4	
1	Văn phòng Ủy ban		4			4	
2	Tỉnh Đoàn		1	1			
3	Hội Nông dân tỉnh		1	1			
4	Hội Cựu chiến binh tỉnh		1	1			
5	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh		1	1			
III	Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh		23	12	3	8	
1	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên	35	1	1			
2	Trường Cao đẳng Đắk Lắk	319	3	2	1		
3	Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk	78	1	1			
4	Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật	103	1	1			
5	Trường Đại học Phú Yên	172	2	1	1		
6	Trường Cao đẳng nghề Phú Yên	115	2	1		1	
7	Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên	46	1		1		
8	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk	132	3	1		2	
9	Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông	139	3	1		2	
10	Ban QLDA đầu tư XDCT Giao thông và NNPTNT tỉnh Đắk Lắk	292	4	2		2	
11	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk	226	2	1		1	
B	Cấp xã		204	102		102	
1	Phường Buôn Ma Thuột		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Buôn Ma Thuột		1			1	
-	UBND phường Buôn Ma Thuột		1	1			
2	Phường Tân An		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Tân An		1			1	
-	UBND phường Tân An		1	1			
3	Phường Thành Nhất		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Thành Nhất		1			1	
-	UBND phường Thành Nhất		1	1			
4	Phường Tân Lập		2	1		1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
-	Đảng ủy phường Tân Lập		1			1	
-	UBND phường Tân Lập		1	1			
5	Phường Ea Kao		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Ea Kao		1			1	
-	UBND phường Ea Kao		1	1			
6	Phường Buôn Hồ		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Buôn Hồ		1			1	
-	UBND phường Buôn Hồ		1	1			
7	Phường Cư Bao		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Cư Bao		1			1	
-	UBND phường Cư Bao		1	1			
8	Phường Tuy Hòa		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Tuy Hòa		1			1	
-	UBND phường Tuy Hòa		1	1			
9	Phường Phú Yên		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Phú Yên		1			1	
-	UBND phường Phú Yên		1	1			
10	Phường Bình Kiến		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Bình Kiến		1			1	
-	UBND phường Bình Kiến		1	1			
11	Phường Đông Hòa		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Đông Hòa		1			1	
-	UBND phường Đông Hòa		1	1			
12	Phường Hòa Hiệp		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Hòa Hiệp		1			1	
-	UBND phường Hòa Hiệp		1	1			
13	Phường Sông Cầu		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Sông Cầu		1			1	
-	UBND phường Sông Cầu		1	1			
14	Phường Xuân Đài		2	1		1	
-	Đảng ủy phường Xuân Đài		1			1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
-	UBND phường Xuân Đài		1	1			
15	Xã Hòa Phú		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Hòa Phú		1			1	
-	UBND xã Hòa Phú		1	1			
16	Xã Ea Drông		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Drông		1			1	
-	UBND xã Ea Drông		1	1			
17	Xã Ea Hiao		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Hiao		1			1	
-	UBND xã Ea Hiao		1	1			
18	Xã Ea Drăng		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Drăng		1			1	
-	UBND xã Ea Drăng		1	1			
19	Xã Ea Khăl		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Khăl		1			1	
-	UBND xã Ea Khăl		1	1			
20	Xã Ea H'Leo		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea H'Leo		1			1	
-	UBND xã Ea H'Leo		1	1			
21	Xã Ea Wy		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Wy		1			1	
-	UBND xã Ea Wy		1	1			
22	Xã Ea Súp		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Súp		1			1	
-	UBND xã Ea Súp		1	1			
23	Xã Ia Lốp		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ia Lốp		1			1	
-	UBND xã Ia Lốp		1	1			
24	Xã Ea Rók		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Rók		1			1	
-	UBND xã Ea Rók		1	1			

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
25	Xã Ea Bung		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Bung		1			1	
-	UBND xã Ea Bung		1	1			
26	Xã Ia Rvê		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ia Rvê		1			1	
-	UBND xã Ia Rvê		1	1			
27	Xã Dliê Ya		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Dliê Ya		1			1	
-	UBND xã Dliê Ya		1	1			
28	Xã Phú Xuân		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Phú Xuân		1			1	
-	UBND xã Phú Xuân		1	1			
29	Xã Tam Giang		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Tam Giang		1			1	
-	UBND xã Tam Giang		1	1			
30	Xã Krông Năng		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Krông Năng		1			1	
-	UBND xã Krông Năng		1	1			
31	Xã Ea Wer		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Wer		1			1	
-	UBND xã Ea Wer		1	1			
32	Xã Ea Nuôi		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Nuôi		1			1	
-	UBND xã Ea Nuôi		1	1			
33	Xã Buôn Đôn		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Buôn Đôn		1			1	
-	UBND xã Buôn Đôn		1	1			
34	Xã Cuôr Đăng		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Cuôr Đăng		1			1	
-	UBND xã Cuôr Đăng		1	1			
35	Xã Cư M'gar		2	1		1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
-	Đảng ủy xã Cư M'gar		1			1	
-	UBND xã Cư M'gar		1	1			
36	Xã Ea Tul		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Tul		1			1	
-	UBND xã Ea Tul		1	1			
37	Xã Quảng Phú		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Quảng Phú		1			1	
-	UBND xã Quảng Phú		1	1			
38	Xã Ea Kiết		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Kiết		1			1	
-	UBND xã Ea Kiết		1	1			
39	Xã Ea M'Droh		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea M'Droh		1			1	
-	UBND xã Ea M'Droh		1	1			
40	Xã Ea Ô		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Ô		1			1	
-	UBND xã Ea Ô		1	1			
41	Xã Ea Păl		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Păl		1			1	
-	UBND xã Ea Păl		1	1			
42	Xã Cư Yang		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Cư Yang		1			1	
-	UBND xã Cư Yang		1	1			
43	Xã Ea Knốp		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Knốp		1			1	
-	UBND xã Ea Knốp		1	1			
44	Xã Ea Kar		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Kar		1			1	
-	UBND xã Ea Kar		1	1			
45	Xã M'Drăk		2	1		1	
-	Đảng ủy xã M'Drăk		1			1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
-	UBND xã M'Đrăk		1	1			
46	Xã Cư Pao		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Cư Pao		1			1	
-	UBND xã Cư Pao		1	1			
47	Xã Ea Riêng		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Riêng		1			1	
-	UBND xã Ea Riêng		1	1			
48	Xã Krông Á		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Krông Á		1			1	
-	UBND xã Krông Á		1	1			
49	Xã Ea Trang		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Trang		1			1	
-	UBND xã Ea Trang		1	1			
50	Xã Cư M'ta		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Cư M'ta		1			1	
-	UBND xã Cư M'ta		1	1			
51	Xã Tân Tiến		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Tân Tiến		1			1	
-	UBND xã Tân Tiến		1	1			
52	Xã Ea Phê		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Phê		1			1	
-	UBND xã Ea Phê		1	1			
53	Xã Ea Knuéc		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Knuéc		1			1	
-	UBND xã Ea Knuéc		1	1			
54	Xã Vụ Bồn		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Vụ Bồn		1			1	
-	UBND xã Vụ Bồn		1	1			
55	Xã Krông Pắc		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Krông Pắc		1			1	
-	UBND xã Krông Pắc		1	1			

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
56	Xã Ea Kly		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Kly		1			1	
-	UBND xã Ea Kly		1	1			
57	Xã Ea Na		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Na		1			1	
-	UBND xã Ea Na		1	1			
58	Xã Dur Kmăl		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Dur Kmăl		1			1	
-	UBND xã Dur Kmăl		1	1			
59	Xã Krông Ana		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Krông Ana		1			1	
-	UBND xã Krông Ana		1	1			
60	Xã Hòa Sơn		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Hòa Sơn		1			1	
-	UBND xã Hòa Sơn		1	1			
61	Xã Cư Pui		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Cư Pui		1			1	
-	UBND xã Cư Pui		1	1			
62	Xã Dang Kang		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Dang Kang		1			1	
-	UBND xã Dang Kang		1	1			
63	Xã Krông Bông		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Krông Bông		1			1	
-	UBND xã Krông Bông		1	1			
64	Xã Yang Mao		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Yang Mao		1			1	
-	UBND xã Yang Mao		1	1			
65	Xã Liên Sơn Lắc		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Liên Sơn Lắc		1			1	
-	UBND xã Liên Sơn Lắc		1	1			
66	Xã Đắk Liêng		2	1		1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
-	Đảng ủy xã Đắk Liêng		1			1	
-	UBND xã Đắk Liêng		1	1			
67	Xã Nam Kar		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Nam Kar		1			1	
-	UBND xã Nam Kar		1	1			
68	Xã Đắk Phoi		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Đắk Phoi		1			1	
-	UBND xã Đắk Phoi		1	1			
69	Xã Krông Nô		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Krông Nô		1			1	
-	UBND xã Krông Nô		1	1			
70	Xã Ea Ktur		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Ktur		1			1	
-	UBND xã Ea Ktur		1	1			
71	Xã Ea Ning		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Ning		1			1	
-	UBND xã Ea Ning		1	1			
72	Xã Dray Bhang		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Dray Bhang		1			1	
-	UBND xã Dray Bhang		1	1			
73	Xã Cư Pong		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Cư Pong		1			1	
-	UBND xã Cư Pong		1	1			
74	Xã Pong Drang		2	1		1	
-	UBND xã Pong Drang		1	1			
-	Đảng ủy xã Pong Drang		1			1	
75	Xã Krông Búk		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Krông Búk		1			1	
-	UBND xã Krông Búk		1	1			
76	Xã Hòa Xuân		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Hòa Xuân		1			1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
-	UBND xã Hòa Xuân		1	1			
77	Xã Xuân Thọ		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Xuân Thọ		1			1	
-	UBND xã Xuân Thọ		1	1			
78	Xã Xuân Cảnh		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Xuân Cảnh		1			1	
-	UBND xã Xuân Cảnh		1	1			
79	Xã Xuân Lộc		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Xuân Lộc		1			1	
-	UBND xã Xuân Lộc		1	1			
80	Xã Tuy An Bắc		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Tuy An Bắc		1			1	
-	UBND xã Tuy An Bắc		1	1			
81	Xã Tuy An Tây		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Tuy An Tây		1			1	
-	UBND xã Tuy An Tây		1	1			
82	Xã Tuy An Nam		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Tuy An Nam		1			1	
-	UBND xã Tuy An Nam		1	1			
83	Xã Tuy An Đông		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Tuy An Đông		1			1	
-	UBND xã Tuy An Đông		1	1			
84	Xã Ô Loan		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ô Loan		1			1	
-	UBND xã Ô Loan		1	1			
85	Xã Tây Hòa		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Tây Hòa		1			1	
-	UBND xã Tây Hòa		1	1			
86	Xã Hoà Thịnh		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Hoà Thịnh		1			1	
-	UBND xã Hoà Thịnh		1	1			

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
87	Xã Hoà Mỹ		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Hoà Mỹ		1			1	
-	UBND xã Hoà Mỹ		1	1			
88	Xã Sơn Thành		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Sơn Thành		1			1	
-	UBND xã Sơn Thành		1	1			
89	Xã Phú Hòa 1		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Phú Hòa 1		1			1	
-	UBND xã Phú Hòa 1		1	1			
90	Xã Phú Hòa 2		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Phú Hòa 2		1			1	
-	UBND xã Phú Hòa 2		1	1			
91	Xã Đồng Xuân		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Đồng Xuân		1			1	
-	UBND xã Đồng Xuân		1	1			
92	Xã Xuân Lãnh		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Xuân Lãnh		1			1	
-	UBND xã Xuân Lãnh		1	1			
93	Xã Phú Mỹ		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Phú Mỹ		1			1	
-	UBND xã Phú Mỹ		1	1			
94	Xã Xuân Phước		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Xuân Phước		1			1	
-	UBND xã Xuân Phước		1	1			
95	Xã Sơn Hòa		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Sơn Hòa		1	1			
-	UBND xã Sơn Hòa		1			1	
96	Xã Vân Hòa		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Vân Hòa		1			1	
-	UBND xã Vân Hòa		1	1			
97	Xã Tây Sơn		2	1		1	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó			Ghi chú
				Số lượng xe ô tô với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12-16 chỗ với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với giá mua xe tối đa 1.600 triệu đồng/xe	
-	Đảng ủy xã Tây Sơn		1			1	
-	UBND xã Tây Sơn		1	1			
98	Xã Suối Trai		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Suối Trai		1			1	
-	UBND xã Suối Trai		1	1			
99	Xã Sông Hình		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Sông Hình		1			1	
-	UBND xã Sông Hình		1	1			
100	Xã Ea Ly		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Ly		1			1	
-	UBND xã Ea Ly		1	1			
101	Xã Ea Bá		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Ea Bá		1			1	
-	UBND xã Ea Bá		1	1			
102	Xã Đức Bình		2	1		1	
-	Đảng ủy xã Đức Bình		1			1	
-	UBND xã Đức Bình		1	1			

Ghi chú: Xe ô tô phục vụ công tác chung với giá mua xe ô tô tối đa 950 triệu đồng/xe là xe ô tô 4 - 5 chỗ ngồi, 7 - 9 chỗ ngồi một cầu và xe bán tải một cầu, hai cầu

Phụ lục III
QUY ĐỊNH VỀ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ 12 ĐẾN 16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 042 /2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó		Mục đích sử dụng
			Số lượng xe ô tô bán tải với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	
	Tổng cộng	48	44	4	
I	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	1		1	Phục vụ người có công
II	Văn phòng UBND tỉnh	1		1	Phục vụ người có công
III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	32	32		
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Sở)	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1	1		Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
3	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1	1		Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
4	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	1	1		Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
5	Trung tâm bảo tồn voi, cứu hộ động vật và quản lý bảo vệ rừng	1	1		Phòng chống cháy rừng
6	Vườn Quốc gia Chư Yang Sin	1	1		Phòng chống cháy rừng
7	Ban Quản lý khu bảo tồn loài sinh cảnh thông nước	1	1		Phòng chống cháy rừng

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó		Mục đích sử dụng
			Số lượng xe ô tô bán tải với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	
8	Ban Quản lý rừng lịch sử, văn hóa, môi trường Hồ Lắk	1	1		Phòng chống cháy rừng
9	Ban Quản lý rừng phòng hộ Lắk	1	1		Phòng chống cháy rừng
10	Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Krông Năng	1	1		Phòng chống cháy rừng
11	Ban Quản lý rừng đặc dụng Nam Kar	1	1		Phòng chống cháy rừng
12	Ban Quản lý rừng phòng hộ Núi Vọng Phu	1	1		Phòng chống cháy rừng
13	Ban Quản lý rừng thiên nhiên Ea Sô	1	1		Phòng chống cháy rừng
14	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu	1	1		Kiểm lâm
15	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân	1	1		Kiểm lâm
16	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sơn Hòa	1	1		Kiểm lâm
17	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hoà	1	1		Kiểm lâm
18	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Hinh	1	1		Kiểm lâm
19	Chi cục Kiểm lâm	14	14		
19.1	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.2	Hạt Kiểm lâm Khu vực Buôn Ma Thuột	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng



TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó		Mục đích sử dụng
			Số lượng xe ô tô bán tải với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	
19.3	Hạt Kiểm lâm Khu vực Buôn Đôn	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.4	Hạt Kiểm lâm Khu vực Ea Súp	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.5	Hạt Kiểm lâm Khu vực Ea Kar	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.6	Hạt Kiểm lâm Khu vực Ea H'leo	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.7	Hạt Kiểm lâm Khu vực Lắc	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.8	Hạt Kiểm lâm Khu vực Krông Bông	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.9	Hạt Kiểm lâm Khu vực M'Drắk	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.10	Hạt Kiểm lâm Khu vực Đồng Xuân	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.11	Hạt Kiểm lâm Khu vực Sơn Hoà	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.12	Hạt Kiểm lâm Khu vực Tây Hoà	1	1		Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
19.13	Ban Quản lý rừng đặc dụng Krông Trai	1	1		Kiểm lâm
19.14	Ban Quản lý rừng đặc dụng Đèo Cả	1	1		Kiểm lâm

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Trong đó		Mục đích sử dụng
			Số lượng xe ô tô bán tải với giá mua xe tối đa 950 triệu đồng/xe	Số lượng xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi với giá mua xe tối đa 1.300 triệu đồng/xe	
IV	Sở Y tế	1		1	
	Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Công tác xã hội Phú Yên	1		1	Phục vụ người có công, bảo trợ xã hội
V	Sở Công Thương	13	12	1	
	Chi Cục Quản lý thị trường tỉnh	13	12	1	Quản lý thị trường